TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22 /HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2019
V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết và ông Nguyễn Khoa Việt

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Vào lúc 15 giờ 00 ngày 07/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2019 về tranh chấp*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-ST ngày 16/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1978
Trú tại: Khu phố N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978
Trú tại: Khu phố N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân ngày 05/9/2013 và đăng ký kết hôn tại UBND phường D, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian chung sống ông C thường xuyên bỏ nhà ra đi. Đến năm 2017, bà P và ông C đã không còn chung sống với nhau và không có liên lạc gì. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn

- Về con chung: có 02 con chung, yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại đơn trình bày và đơn xin giải quyết vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay bà P làm đơn ly hôn ông C đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ: thống nhất lời trình bày của nguyên đơn.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập nhưng có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 5/9/2013, được UBND phường D Tp.T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79/2013 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh những mâu thuẫn như đương sự đã trình bày; các đương sự không còn chung sống cùng nhau từ năm 2017, không ai quan tâm và chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn chung sống trở lại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2005 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/02/2009. Tại bản khai ngày 04/4/2019, nguyện vọng của hai cháu H, cháu T muốn ở với bà P. Tại phiên tòa bà P đề nghị tòa án yêu cầu được nuôi hai con (phù hợp với nguyện vọng của các con). Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét

Về tài sản chung: không có

[3] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

-Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2005 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/02/2009 (đang ở với bà P) cho bà Trần Thị P được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con (phù hợp với nguyện vọng của các con).

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0012322 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Người TGTT;
-VKSND TP.Tuy Hòa;
-Chi cục THADS. TP.Tuy Hòa;
-TAND tỉnh Phú Yên;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Hoa Dung